

**GÓI SỐ 2: THUỐC BIỆT DƯỢC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 292/QĐ-SYT ngày 22 tháng 3 năm 2016)*

STT	STT HSMT	Tên hoạt chất, nồng độ hàm lượng	Dạng bào chế	Tên biệt dược	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Qui cách đóng gói	SĐK hoặc GPNK	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Nhà thầu
1	1	3mg Salbutamol sulphate tương đương 2,5mg Salbutamol base; 0,52mg Ipratropium bromide monohydrate tương đương 0,5mg Ipratropium bromide anhydrous	Dung dịch khí dung	Combivent	Laboratoire Unither	Pháp	Hộp 10 ống x 2,5ml	VN-10786-10 (có công văn gia hạn hiệu lực SDK)	Ống	16.074	10.900	175.206.600	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
2	2	Acarbose 50mg	Viên nén	Glucobay Tab 50mg 100's	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-10758-10	Viên	2.760	74.100	204.516.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
3	5	Acid amin 10% - 250ml	Dung dịch tiêm truyền	Aminoplasmal B. Braun 10% 250ml	B.Braun Melsungen AG	Đức	Thùng 10 chai	VN-18160-14	Chai	101.975	30	3.059.250	Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1
4	8	Alfuzosin HCL 10mg	viên nén phóng thích chậm	XATRAL XL 10mg B/ 1bts x 30 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 1 vỉ x 30 viên	VN-14355-11	Viên	15.291	100	1.529.100	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
5	9	Amiodarone hydrochloride 200 mg	Viên nén	CORDARONE 200mg B/ 2bts x 15 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-16722-13	Viên	6.750	14.550	98.212.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
6	10	Amiodarone HCL 150mg/ 3ml	Dung dịch thuốc tiêm	CORDARONE 150mg/3ml Inj B/ 6 Amps x 3ml	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 6 ống x 3ml	VN-11316-10	Ống	30.048	630	18.930.240	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
7	12	Amlodipine besylate (amlodipine 5mg)	Viên nang	Amlor Cap 5mg 30's	Pfizer PGM	Pháp	3 vỉ x 10 viên/ hộp	VN-10465-10	Viên	8.125	9.000	73.125.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
8	13	Amlodipine besilate (amlodipine 5mg)	Viên nén	Amlor Tab 5mg 30's	Pfizer Australia Pty Ltd	Úc	3 vỉ x 10 viên/ hộp	VN-9794-10	Viên	7.593	4.000	30.372.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
9	14	Amoxicillin 250mg	Bột pha hỗn dịch uống	Clamoxyl Sac 250mg 12's	Glaxo Wellcome Production - Pháp	Pháp	Hộp 12 gói	VN-18308-14	Gói	5.090	10.000	50.900.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
10	15	Amoxicillin trihydrate 500mg; Acid Clavulanic 125mg	Viên nén bao phim	Augmentin BD Tab 625mg 14's	SmithKline Beecham Pharmaceutical s - Anh	Anh	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-11057-10	Viên	11.936	11.280	134.638.080	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
11	16	Ampicillin Sodium (Ampicillin 1g), Sulbactam sodium (Sulbactam 500mg)	Bột pha tiêm, truyền	Unasyn Inj 1500mg 1's	Haupt Pharma Latina Srl	Ý	1 lọ/ hộp	VN-12601-11	Lọ	66.000	510	33.660.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
12	17	Atorvastatin 10mg (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5 H2O)	Viên nén bao phim	Lipitor Tab 10mg 3x10's	Pfizer Pharmaceuticals LLC ; Packed by Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Mỹ; Đóng gói: Đức	Hộp 3 vỉ * 10 viên	VN-17768-14	Viên	15.941	2.000	31.882.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2

13	18	Atorvastatin 20mg (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5 H2O)	Viên nén bao phim	Lipitor Tab 20mg 3x10's	Pfizer Pharmaceutical s LLC ; Packed by Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Mỹ; Đóng gói: Đức	Hộp 3 vi * 10 viên	VN-17767-14	Viên	15.941	1.400	22.317.400	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
14	20	Bacterial lysates of Haemophilus influenza; Diplococcus pneumonia; Klebsialla pneumoniae and azaena; Staphylococcus arueus, Streptococcus pyogenes, and virdians, Nesisseria catarrhails	Viên nang	Broncho-Vaxom Children	OM Pharma	Thụy Sĩ	Hộp 1 vi x 10 viên nang	VN-15048-12	Viên	10.018	3.500	35.063.000	Công Ty CP Sao Mai
15	24	Brinzolamide 1%	Hỗn dịch nhỏ mắt	Azopt	Alcon Laboratories, Inc.	Mỹ	Hộp 1 lọ 5ml	VN-9921-10	Lọ	116.699	100	11.669.900	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
16	25	Budesonide 160mcg, Formoterol fumarat dihydrate 4,5mcg	Bột dùng để hít	Symbicort Tur Oth 60 Dose 160/4.5	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp chứa 1 ống hít 60 liều	VN-12852-11	Ống	286.440	1	286.440	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
17	26	Budesonide 500mcg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Pulmicort respules 500mcg/ 2ml 20's	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 4 gói x 5 ống 2ml	VN-11682-11	Ống	13.834	138.290	1.913.103.860	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
18	28	Cefoperazone sodium (1g Cefoperazone)	Bột pha tiêm,	Cefobid Inj 1g 1's	Haupt Pharma Latina Srl	Ý	1 lọ/ hộp	VN-13299-11	Lọ	125.700	1.110	139.527.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
19	29	Cefuroxime axetil 500mg	Viên nén bao phim	Zinnat Tab 500mg 10's	Glaxo Operations UK Ltd -Anh	Anh	Hộp 1 vi x 10 viên	VN-10261-10	Viên	24.589	100	2.458.900	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
20	30	Cefuroxime natri 750mg	Bột pha tiêm,	Zinacef Inj.750mg 1's(Ital Y)	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA- Ý	Ý	Hộp 1 lọ	VN-10706-10	Lọ	44.431	500	22.215.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
21	31	Celecoxib 200mg	Viên nang	Celebrex Cap 200mg 30's	Neolpharma, Inc ; Packed by R- Pharm Germany GmbH	Puerto Rico, Đóng gói Đức	3 vi * 10 viên	VN-15106-12	Viên	11.913	1.700	20.252.100	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
22	32	Cinnarizine 25mg	viên nén	Stugeron	OLIC (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Hộp 25 vi x 10 viên nén	VN-14218-11	Viên	674	195.375	131.682.750	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
23	33	Ciprofloxacin Hydrochloride 500mg	Viên nén bao phim	Ciprobay Tab 500mg 10's	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 1 vi x 10 viên	VN-14009-11	Viên	13.913	810	11.269.530	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2

24	34	Clindamycin phosphate 300mg/2ml	Dung dịch tiêm	Dalacin C Inj 300mg 2ml	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	1 ống/ hộp	VN-10464-10	Ống	49.140	560	27.518.400	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
25	35	Clindamycin phosphate 600mg	Dung dịch tiêm	Dalacin C Inj 600mg 4ml	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	1 ống/ hộp	VN-16855-13	Ống	104.801	210	22.008.210	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
26	37	Clobetasone Butyrate 5g	Kem bôi	Eumovate 5g Cre 0.05% 5g	Glaxo Operations UK Ltd -Anh	Anh	Hộp 1 tuýp	VN-18307-14	Tuýp	20.269	2.660	53.915.540	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
27	38	Clopidogrel 300mg	viên nén bao phim	PLAVIX 300mg B/ 3bls x 10 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-18879-15	Viên	64.711	1.000	64.711.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
28	39	Clopidogrel 75mg	viên nén bao phim	PLAVIX 75mg B/ 1bl x 14 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 1 vi x 14 viên	VN-16229-13	Viên	20.828	1.000	20.828.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
29	40	Clopidogrel 75mg; Acid acetylsalicylic 100mg	viên nén bao phim	DUOPLAVIN 75/100mg B/ 3bls x 10 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-14356-11	Viên	20.828	10	208.280	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
30	41	Diltiazem Hydrochloride 30mg	Viên nén	Herbesser	P.T. Tanabe Indonesia	Indonesia	Hộp 10 vi x 10 viên	VN-13228-11	Viên	1.345	10.000	13.450.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
31	42	Domperidone maleate (10mg Domperidone)	viên nén	Motilium-M	OLIC (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Hộp 10 vi x 10 viên nén	VN-14215-11	Viên	1.813	2.000	3.626.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
32	43	Doxazosin mesylate (doxazosin 2mg)	Viên nén	Carduran Tab 2mg 10's	Pfizer Australia Pty Ltd	Úc	1 vi *10 viên	VN-14304-11	Viên	8.435	1.200	10.122.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
33	44	Drotaverine hydrochloride 40mg/ 2ml	Dung dịch tiêm	NO-SPA Inj 40mg/2ml B/ 25 amps x 2ml	Chinoin Pharmaceutical & Chemical Works Private Co.,Ltd.	Hungary	Hộp 25 ống 2ml	VN-14353-11	Ống	5.306	74.596	395.806.376	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
34	45	Drotaverine hydrochloride 80mg	Viên nén	No-Spa forte 80mg B/2bls x 10 Tabs	Chinoin Pharmaceutical & Chemical Works Private Co.,Ltd.	Hungary	Hộp 2 vi x 10 viên	VN-18876-15	Viên	1.158	40.000	46.320.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
35	46	Dutasterid 0.5mg	Viên nang mềm	Avodart Cap 0.5mg 30's	GlaxoSmithKline Pharmaceutical s SA	Ba Lan	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-17445-13	Viên	17.257	300	5.177.100	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2

36	47	Dydrogesterone 10mg	Viên nén bao phim	Duphaston	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp 20 viên	VN-12830-11	Viên	6.816	47.000	320.352.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
37	48	Enalapril 10mg	Viên nén	Renitec 10mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/10 h/30 viên	VN-9758-10 CV gia hạn số 553/QLD-ĐK	viên	4.850	31.500	152.775.000	Công ty CP Dược Hậu Giang
38	49	Enalapril 5mg	Viên nén	Renitec 5mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/10 h/30 viên	VN-9760-10 CV gia hạn số 553/QLD-ĐK	viên	3.187	13.200	42.068.400	Công ty CP Dược Hậu Giang
39	50	Enalapril maleate 5mg	viên nén	Renitec 5mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/10 h/30 viên	VN-9760-10 CV gia hạn số 553/QLD-ĐK	viên	3.187	3.000	9.561.000	Công ty CP Dược Hậu Giang
40	51	Enalapril maleate 10mg	Viên nén	Renitec 10mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/10 h/30 viên	VN-9758-10 CV gia hạn số 553/QLD-ĐK	viên	4.850	4.000	19.400.000	Công ty CP Dược Hậu Giang
41	53	Natri Enoxaparin 40mg/0,4ml	Dung dịch tiêm	LOVENOX 40mg Inj B/ 2 syringes x0,4ml	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm 0,2ml	VN-10550-10	Bơm tiêm	85.381	3.500	298.833.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
42	54	Natri Enoxaparin 60mg/0,6ml	Dung dịch tiêm	LOVENOX 60mg Inj B/ 2 syringes x 0,6ml	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	VN-10556-10	Bơm tiêm	113.164	1	113.164	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
43	55	Eperison hydroclorid 50mg	Viên nén bao đường	Myonal	Bushu Pharmaceutical s Ltd. Misato Factory	Nhật	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-19072-15	Viên	3.416	13.300	45.432.800	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
44	56	Epirubicin Hydrochloride 10mg	Bột pha tiêm	Farmorubicina Inj 10mg 1's	Actavis Italy S.P.A	Ý	1 lọ/hộp+1 ống dd pha tiêm 5ml	VN-11232-10	Lọ	267.500	201	53.767.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
45	57	Epirubicin Hydrochloride 50mg	Bột pha tiêm	Farmorubicina Inj 50mg 1's	Actavis Italy S.P.A	Ý	1 lọ/ hộp	VN-11231-10	Lọ	845.300	210	177.513.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
46	58	Esomeprazole magnesium trihydrate 22,3 mg, tương đương esomeprazole 20 mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	Nexium Mups tab 20mg 2x7's	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 2 vi x 7 viên	VN-11680-11	Viên	22.456	1.280	28.743.680	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
47	59	Esomeprazole magnesium trihydrate 44,5 mg, tương đương esomeprazole 40 mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	Nexium Mups tab 40mg 2x7's	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 2 vi x 7 viên	VN-11681-11	Viên	22.456	3.400	76.350.400	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
48	60	Esomeprazole sodium 42,5 mg, tương đương esomeprazole 40 mg	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Nexium Inj 40mg 1's	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 1 lọ bột pha tiêm 5ml	VN-15719-12	Lọ	153.560	100	15.356.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
49	61	Etoricoxib 120mg	Viên nén bao phim	Arcoxia 120mg	Frosst Iberica S.A	Tây Ban Nha	v/10 h/30 viên	VN-15091-12	viên	18.726	3.600	67.413.600	Công ty CP Dược Hậu Giang
50	62	Etoricoxib 60mg	Viên nén bao phim	Arcoxia 60mg	Frosst Iberica S.A	Tây Ban Nha	v/10 h/30 viên	VN-15547-12	viên	14.222	14.700	209.063.400	Công ty CP Dược Hậu Giang

51	63	Etoricoxib 90mg	Viên nén bao phim	Arcoxia 90mg	Frosst Iberica S.A	Tây Ban Nha	v/10 h/30 viên	VN-15092-12	viên	15.645	4.500	70.402.500	Công ty CP Dược Hậu Giang
52	64	Exemestane 25mg	viên nén bao đường	Aromasin Tabs 25mg 30's	Pfizer Italia S.r.l	Ý	2 vi * 15 viên	VN-8859-09	Viên	82.440	300	24.732.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
53	66	Fenofibrate 200mg	Viên nang cứng	Lipanthyl 200M	Recipharm Fontaine	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-17205-13	Viên	7.053	3.000	21.159.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
54	67	Fluorometholone 0,1%	Hỗn dịch nhỏ mắt	Flumetholon 0,1	Santen Pharmaceutical Co. Ltd.	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	VN-18452-14	Lọ	27.930	400	11.172.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
55	68	Fosfomycin 500mg	Viên nén	Fosmicin tablets 500	Meiji Seika Pharma Co.Ltd	Nhật Bản	Hộp 2 vi x 10 viên nén	VN-15983-12	viên	19.000	510	9.690.000	Công Ty CP Sao Mai
56	69	Fosfomycin Sodium 1g	Thuốc bột pha tiêm	Fosmicin for I.V.Use 1g	Meiji Seika Kaisha Ltd	Nhật Bản	Hộp 10 lọ bột pha tiêm	VN-13784-11	Lọ	101.000	20.700	2.090.700.000	Công Ty CP Sao Mai
57	70	Gabapentin 300mg	Viên nang	Neurontin Cap 300mg 100's	Pfizer Pharmaceuticals LLC	Đức	10 vi x 10 viên/ hộp	VN-16857-13	Viên	11.316	1.800	20.368.800	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
58	71	Gemfibrozil 300mg	Viên nang	Lopid Cap 300mg 100's	Olic (Thailand) Ltd	Thái Lan	10 vi x 10 viên/ hộp	VN-11980-11	Viên	3.108	1.500	4.662.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
59	73	Ginkgo Biloba extract 40mg	Viên nén bao phim	Tanakan Tab 40mg 30's	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 15 viên	VN-16289-13	Viên	3.800	10.000	38.000.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
60	74	Cao lá khô Ginkgo biloba 40mg	Viên nén bao phim	Cebrex	Dr. Willmar Schwabe GmbH&Co. KG	Germany	Hộp 1 vi hoặc 6 vi x 20 viên	VN-14051-11	Viên	3.600	45.120	162.432.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gia Minh
61	75	Metformin HCl 500mg; Glibenclamide 2,5mg	Viên nén bao phim	Glucovance 500mg/2.5 mg Tab 30's	Merck Sante s.a.s - Pháp	Pháp	2 vi x 15 viên/ hộp	VN-8829-09	Viên	4.183	1.000	4.183.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
62	76	Gliclazide 30mg	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Diamicron MR Tab 30mg 60's	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 30 viên	VN-12558-11	Viên	2.865	248.100	710.806.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
63	77	Gliclazide 60mg	viên nén giải phóng kéo dài	Diamicron MR tab 60mg 30's	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 15 viên	VN-13764-11	Viên	5.460	365.500	1.995.630.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
64	80	Glucosamin sulphat 250mg	Viên nang	Viartril-S	Rottapharm Ltd	Ireland	Hộp 1 lọ 80 viên nang	VN-14801-12	Viên	3.490	3.000	10.470.000	Công Ty CP Sao Mai
65	81	Glucosamine sulphate 1500mg	Thuốc bột	Viartril-S	Rottapharm Ltd	Ireland	Hộp 30 gói bột pha dung dịch uống	VN-14800-12	Gói	15.547	120	1.865.640	Công Ty CP Sao Mai

66	83	Imidapril hydrochloride 5mg	Viên nén	Tanatril 5mg	P.T. Tanabe Indonesia	Indonesia	Hộp 10 vi x 10 viên	VN-13231-11	Viên	4.414	8.400	37.077.600	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
67	84	Insulin glargine, 100UI/ml	Dung dịch tiêm	LANTUS Solostar 100IU/ml B/ 5 pens x 3ml	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 5 bút tiêm x 3ml	VN-9371-09	Bút	277.999	1	277.999	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
68	85	Insuline glargine 100 đơn vị/ml ( 1000 đơn vị/lọ 10ml)	Dung dịch tiêm	LANTUS 100UI/ml B/ 1 vial x 10ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 1 lọ 10ml	QLSP-0790-14	Lọ	505.030	1	505.030	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
69	86	Irbesartan 150mg, Hydrochlorothiazide 12.5mg	viên nén bao phim	CO-APROVEL 150/12,5mg B/ 2bls x 14 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-16721-13	Viên	9.561	100	956.100	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
70	87	Irbesartan 300mg, Hydrochlorothiazide 12.5mg	viên nén bao phim	CO-APROVEL 300/12,5mg B/ 2bls x 14 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-17392-13	Viên	14.342	100	1.434.200	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
71	88	Irbesartan 300 mg	viên nén bao phim	APROVEL 300mg B/ 2bls x 14 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-16720-13	Viên	14.342	100	1.434.200	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
72	89	Irbesartan 300mg, Hydrochlorothiazide 25mg	viên nén bao phim	CO-APROVEL 300/25mg B/ 2bls x 14 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-17393-13	Viên	13.280	100	1.328.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
73	90	Irinotecan Hydrochloride 100mg/5ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Campto Inj 100mg 5ml	Pfizer (Perth) Pty Ltd	Úc	1 lọ/ hộp	VN-10463-10	Lọ	3.679.240	5	18.396.200	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
74	91	Irinotecan Hydrochloride 40mg/2ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Campto Inj 40mg 2ml	Pfizer (Perth) Pty Ltd	Úc	1 lọ/ hộp	VN-10462-10	Lọ	1.471.610	5	7.358.050	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
75	93	Ketoconazole 20mg/g	cream	Nizoral cream	OLIC (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Hộp 1 tube 5g kem	VN-13197-11	Tube	17.699	3.840	67.964.160	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
76	94	Levofloxacin hemihydrate 500mg levofloxacin	viên nén bao phim	TAVANIC TAB 500mg B/ 5 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 1 vi x 5 viên	VN-10551-10	Viên	36.950	10	369.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
77	95	Levofloxacin 500mg/ 100ml	Dung dịch tiêm truyền	TAVANIC 500mg Inj B/1 Bottle x 100ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 1 lọ 100ml	VN-11312-10	Lọ	179.000	1	179.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2

78	96	Levofloxacin 5mg/ ml	Dung dịch nhỏ mắt	Cravit	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	VN-19340-15	Lọ	81.480	350	28.518.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
79	97	Levofloxacin hemihydrate, 250mg/ 50ml	Dung dịch tiêm truyền	TAVANIC 250mg Inj B/ 1 Bottle x 50ml	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 1 lọ 50ml	VN-11311-10	Lọ	123.000	10	1.230.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
80	98	Lisinopril dihydrate 10,89 mg, tương đương với 10 mg lisinopril khan	Viên nén	Zestril Tab 10mg 28's	AstraZeneca UK Ltd.	Anh	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-15212-12	Viên	6.097	940	5.731.180	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
81	99	Lisinopril dihydrate 21,8 mg (tương đương với 20 mg lisinopril khan). Hydrochlorothiazide 12,5mg	Viên nén	Zestoretic Tab 20mg 28's	AstraZeneca UK Ltd.	Anh	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-15210-12	Viên	6.176	200	1.235.200	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
82	100	Lisinopril dihydrate 5,45 mg, tương đương với 5 mg lisinopril khan	Viên nén	Zestril Tab 5mg 28's	AstraZeneca UK Ltd.	Anh	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-15213-12	Viên	4.534	100	453.400	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
83	101	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetate + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine, L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Histidine + L-Serine + L-Proline + L-Tyrosine + Glycine	Truyền tĩnh mạch	Morihepamin	Ay Pharmaceutical s Co., Ltd	Nhật	Túi nhựa 200ml	VN-17215-13	Túi	116.632	50	5.831.600	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
84	102	Losartan 50mg	Viên nén bao phim	Cozaar	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Anh	v/15 h/30 viên	VN-10414-10	viên	8.371	5.400	45.203.400	Công ty CP Dược Hậu Giang
85	103	Losartan 50mg + Hydrochlorothiazide 12.5mg	viên nén bao phim	Hyzaar	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/15 h/30 viên	VN-15989-12	viên	8.371	16.600	138.958.600	Công ty CP Dược Hậu Giang
86	106	Meloxicam 7,5mg	Viên nén	Mobic	Boehringer Ingelheim Ellas A.E	Hy Lạp	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-16141-13	Viên	9.122	200	1.824.400	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
87	108	Methylprednisolone 16mg	Viên nén	Medrol Tab 16mg 30's	Pfizer Italia S.r.l	Ý	3 vỉ x 10 viên/ hộp	VN-13806-11	Viên	3.672	13.300	48.837.600	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
88	109	Methylprednisolone 4mg	Viên nén	Medrol Tab 4mg 30's	Pfizer Italia S.r.l	Ý	3 vỉ * 10 viên	VN-13805-11	Viên	983	47.800	46.987.400	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
89	110	Methylprednisolone acetate 40mg/ml	hỗn dịch tiêm	Depo-Medrol Inj 40mg/ml 1ml	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bi	1 lọ/ hộp	VN-11978-11	Lọ	34.670	2.630	91.182.100	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
90	111	Methylprednisolone Hemisuccinat 125mg	Bột pha tiêm	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	25 lọ/ hộp	VN-15107-12	Lọ	75.710	620	46.940.200	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2

91	112	Methylprednisolone Sodium succinate 40mg	Bột pha tiêm	Solu-Medrol Inj 40mg 1's	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	1 lọ/ hộp	VN-11234-10	Lọ	33.100	19.640	650.084.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
92	113	Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	Viên nén phóng thích kéo dài	Betaloc Zok Tab 25mg 14's	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 1 vi x 14 viên	VN-17243-13	Viên	4.620	18.100	83.622.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
93	114	Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg)	Viên nén phóng thích kéo dài	Betaloc Zok (Blister) 50mg 28's	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-17244-13	Viên	5.779	8.600	49.699.400	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
94	115	Montelukast 10mg	Viên nén bao phim	Singulair 10mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/7 h/28 viên	VN-14267-11	viên	13.502	10.140	136.910.280	Công ty CP Dược Hậu Giang
95	116	Montelukast 4mg	Thuốc cốm	Singulair 4mg gói cốm	Merck Sharp & Dohme Corp	Mỹ	h/28 gói	VN-15094-12	gói	13.502	12.140	163.914.280	Công ty CP Dược Hậu Giang
96	117	Montelukast 4mg	viên nhai	Singulair 4mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/7 h/28 viên	VN-15095-12	viên	13.502	140	1.890.280	Công ty CP Dược Hậu Giang
97	119	Montelukast 5mg	Viên nhai	Singulair 5mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/7 h/28 viên	VN-14266-11	viên	13.502	10.000	135.020.000	Công ty CP Dược Hậu Giang
98	120	Moxifloxacin HCl 0,5%	Dung dịch nhỏ mắt	Vigamox	Alcon Laboratories, Inc.	Mỹ	Hộp 1 lọ 5ml	VN-15707-12	Lọ	89.999	1.760	158.398.240	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
99	122	Natri hyaluronate 1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Sanlein 0,1	Santen Pharmaceutical Co. Ltd.	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	VN-17157-13	Lọ	62.158	2.160	134.261.280	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
100	124	Natri Rabeprazole 20mg	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Rabeloc I.V.	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm	VN-16603-13	Lọ	134.000	1	134.000	Công Ty CP Sao Mai
101	125	Nebivolol Hydrochloride 5mg	Viên nén	Nebilet Tab 5mg 14's	Berlin Chemie AG - Đức	Đức	Hộp 1 vi x 14 viên nén	VN19377-15	Viên	8.000	140	1.120.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
102	126	Nifedipine 10mg	Viên nang mềm	Adalat Cap 10mg 30's	Catalent Germany Eberbach GmbH; Cơ sở xuất xưởng: Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-14010-11	Viên	2.253	10.564	23.800.692	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
103	127	Nifedipine 30mg	Viên phóng thích kéo dài	Adalat LA Tab 30mg 30's	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-10754-10	Viên	9.454	1.220	11.533.880	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
104	129	Nimodipine 10mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Nimotop Inj 10mg 50ml	Bayer Pharma AG	Đức	Hộp 1 chai 50ml	VN-10760-10	Chai	605.500	150	90.825.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2

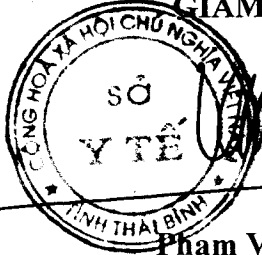
105	130	Ofloxacin 3mg/ ml	Dung dịch nhỏ mắt	Oflovid	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	VN-19341-15	Lọ	55.872	5.100	284.947.200	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
106	131	Olopatadine Hydrochloride 0,2% x 2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Pataday	Alcon Laboratories, Inc.	Mỹ	Hộp 1 lọ 2,5ml	VN-13472-11	Lọ	131.099	160	20.975.840	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
107	132	Paracetamol 500mg	Viên nén sủi bọt	Efferalgan	Bristol-Myers Squibb	Pháp	Hộp 4 vi x 4 viên	VN-14558-12	Viên	2.695	140	377.300	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
108	133	Peginterferon alfa-2a 180mcg/0,5ml	Thuốc tiêm	Pegasys	F.Hoffmann-La Roche Ltd	Thụy Sĩ	Hộp 1 syringe đóng sẵn 0,5ml	VN-11569-10	Syringe	2.327.195	4	9.308.780	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
109	134	Pemirolast Kali 1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Alegysal	Santen Pharmaceutical Co. Ltd.	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	VN -17584 - 13	Lọ	72.400	100	7.240.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
110	135	Perindopril arginine 10mg	Viên nén bao phim	Coversyl Tab 10mg 30's	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-17086-13	Viên	7.960	8.300	66.068.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
111	136	Perindopril Arginine 5mg	Viên nén bao phim	Coversyl Tab 5mg 30's	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-17087-13	Viên	5.650	13.010	73.506.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
112	137	Phospholipid chiết xuất từ phôi lợn 120mg/1.5ml	Hỗn dịch đặt nội khí quản	Curosurf	Chiesi Farmaceutici S.p.A	Ý	Hộp 1 lọ 1,5ml	VN-18909-15	Lọ	13.990.000	170	2.378.300.000	Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1
113	140	Piperacillin monohydrate, Tazobactam 4g/0.5g	Bột đông khô pha tiêm	Tazocin Inj 4.5g	Wyeth Lederle S.R.L	Ý	1 lọ/ hộp	VN-12602-11	Lọ	223.700	30	6.711.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
114	141	Piracetam 1g/ 5ml	Dung dịch tiêm truyền	Nootropyl Inj 1g/5ml 12's	UCB Pharma S.p.A/ Aesica Pharmaceutical s S.R.L - Italy	Ý	Hộp 12 ống	VN-9424-09	Ống	10.508	236	2.479.888	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2

115	142	Pirenoxine 0,005%	Hỗn dịch nhỏ mắt	Kary Uni Ophthalmic Suspension	Santen Pharmaceutical Co. Ltd.	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	VN - 15629 - 12	Lọ	21.945	100	2.194.500	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
116	143	Piroxicam 20mg	Viên nén phân rã	Feldene Dispensible Tab 20mg 15's	Pfizer PGM	Pháp	Hộp 1 lọ 15 viên	VN-10466-10	Viên	7.892	1.000	7.892.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
117	145	Pregabalin 75mg	Viên nang cứng	Lyrica Cap 75mg 56's	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	4 vi *14 viên	VN-16347-13	Viên	17.685	500	8.842.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
118	146	Propofol 10mg/ml (1%)	Nhũ tương tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Diprivan Inj 20ml 5's	Corden Pharma S.P.A; đóng gói AstraZeneca UK Ltd.	Ý đóng gói Anh	Hộp chứa 5 ống x 20ml	VN-15720-12	Ống	118.168	100	11.816.800	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
119	147	Racecadotril 30mg	Bột pha uống	Hidrasec 30mg Children	Laboratoires Sophartex	Pháp	Hộp 30 gói	VN-13227-11	Gói	5.354	12.000	64.248.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
120	148	Racecadotril 10mg	Bột pha uống	Hidrasec 10mg Infants	Laboratoires Sophartex	Pháp	Hộp 16 gói	VN-13226-11	Gói	4.894	7.000	34.258.000	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
121	149	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	Crestor Tab 10mg 28's	IPR Pharmaceutical s INC., đóng gói AstraZeneca UK Ltd.	Mỹ, đóng gói Anh	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-18150-14	Viên	16.170	940	15.199.800	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
122	150	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	Crestor Tab 20mg 28's	IPR Pharmaceutical s INC., đóng gói AstraZeneca UK Ltd.	Mỹ, đóng gói Anh	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-18151-14	Viên	23.100	100	2.310.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
123	151	Rosuvastatin calcium 5,2 mg, tương đương rosuvastatin 5 mg	Viên nén bao phim	Crestor Tab 5mg 28's	IPR Pharmaceutical s INC., đóng gói AstraZeneca UK Ltd.	Mỹ, đóng gói Anh	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-12164-11	Viên	9.975	100	997.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2

124	152	Salbutamol sulfate, 2.5mg/2.5ml	Dung dịch dùng cho máy khí dung	Ventolin Neb Sol 2.5mg/2.5ml 6x5's	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd- Úc	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống	VN-11572-10	Ống	4.575	78.000	356.850.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
125	153	Salmeterol xinafoate 50mcg; Fluticasone propionate 250mcg	Bột hít phân liều	Seretide Accuhaler Pwd 50 /250mcg 60's	Glaxo Operations UK Ltd- Anh	Anh	Hộp 1 dụng cụ accuhaler 60 liều	VN-15447-12	Bình hít	259.147	1	259.147	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
126	154	Saxagliptin 2.5mg	Viên nén bao phim	Onglyza tab 2.5mg 28's	Bristol Myers Squibb; đóng gói tại Bristol Myers Squibb	Mỹ đóng gói Ý	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-17249-13	Viên	16.006	100	1.600.600	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
127	156	Saxagliptin 5mg; Metformin Hydrochloride 1000mg	Viên nén bao phim	Komboglyze XR tab 5mg/1000mg	Bristol Myers Squibb	Mỹ	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-18678-15	Viên	21.410	100	2.141.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
128	157	Sertraline HCL 50mg	Viên nén bao phim	Zoloft Tab 50mg 1x30's	Pfizer Australia Pty Ltd	Úc	1 vỉ x 30 viên/ hộp	VN-17543-13	Viên	14.087	500	7.043.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
129	158	Sevoflurane 250ml	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Sevorane Sol 250ml 1's	Aesica Queenborough Ltd (Abbott Laboratories)- Anh	Anh	Hộp 1 chai 250ml	VN-9914-10	Chai	3.578.600	50	178.930.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
130	159	Sigtalipin 100mg	viên nén bao phim	Januvia 100mg	Merck Sharp & Dohme (Italia) S.P.A	Ý	v/14 h/28 viên	VN-15986-12	viên	17.311	140	2.423.540	Công ty CP Dược Hậu Giang
131	160	Simvastatin 10mg	Viên nén bao phim	Zocor 10mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/15 h/30 viên	VN-18941-15	viên	10.170	20.800	211.536.000	Công ty CP Dược Hậu Giang
132	161	Simvastatin 20mg	Viên nén bao phim	Zocor 20mg	Merck Sharp & Dohme Ltd.	Anh	v/15 h/30 viên	VN-18942-15	viên	11.427	8.200	93.701.400	Công ty CP Dược Hậu Giang
133	162	Spirolactone 25mg	Viên nén	Aldactone Tab 25mg 100's	Olic (Thailand) Ltd	Thái Lan	10 vỉ x 10 viên	VN-16854-13	Viên	1.975	5.800	11.455.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
134	163	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam Natri) 500mg; Cefoperazone (dưới dạng Cefoperazone Natri) 500mg	Bột pha tiêm	Sulperazone IM/IV Inj 1g 1's	Haupt Pharma Latina Srl	Ý	1 lọ/ hộp	VN-16853-13	Lọ	205.000	100	20.500.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
135	164	Sulpiride 50mg	Viên nang cứng	DOGMATIL 50mg B/ 2bls x 15 Caps	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-17394-13	Viên	3.368	16.000	53.888.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
136	165	Sultamicillin Tosilat 375mg	Viên nén bao phim	Unasyn Tab 375mg 8's	Haupt Pharma Latina Srl	Ý	2 vỉ x 4 viên	VN-14306-11	Viên	14.790	1.000	14.790.000	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
137	166	Telmisartan 40mg	Viên nén	Micardis	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18820-15	Viên	10.349	1.200	12.418.800	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)
138	168	Tobramycin 3 mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt vô khuẩn	Tobrex	s.a Alcon Couvreur NV	Bỉ	Hộp 1 lọ đếm giọt Droptainer 5 ml	VN-19385-15	Lọ	39.999	4.310	172.395.690	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex (Đơn vị được ủy quyền: Chi nhánh Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex tại Hà Nội)

139	169	Tranexamic acid 250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Transamin Injection	Olic (Thailand) Ltd	Thái Lan	Hộp 10 ống x 5ml dung dịch tiêm	VN-11004-10 (mã biên nhận ĐKL: NN-24136)	Ống	15.000	2.260	33.900.000	Công Ty CP Sao Mai
140	170	Tranexamic acid 250mg	viên nang	Transamin Capsules 250mg	Olic (Thailand) Ltd	Thái Lan	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	VN-17933-14	Viên	2.200	15.000	33.000.000	Công Ty CP Sao Mai
141	171	Tranexamic acid 500mg	viên nén	Transamin Tablets	Olic (Thailand) Ltd	Thái Lan	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VN-17416-13	Viên	3.850	12.100	46.585.000	Công Ty CP Sao Mai
142	172	Trimebutine maleate 100mg	Viên nén bao phim	Debridat Tab 100mg 30's	Farmea	Pháp	2 vỉ * 15 viên	VN-13803-11	Viên	2.906	1.100	3.196.600	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
143	173	Trimetazidine 20mg	Viên nén bao phim	Vastarel 20mg	Servier	Pháp	Hộp 1 lọ x 60 viên	VN-16510-13	Viên	2.190	13.000	28.470.000	Công ty TNHH Dược Kim Đô
144	174	Trimetazidine dihydrochloride 35 mg	viên nén bao phim giải phóng có biến đổi	Vastarel MR Tab 35mg 60's	Les Laboratories Servier Industrie	Pháp	Hộp 2 vỉ x 30 viên	VN-17735-14	Viên	2.705	39.300	106.306.500	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
145	176	Natri Valproat 333mg, Acid Valproic 145mg	viên nén bao phim phóng thích kéo dài	DEPAKINE CHRONO 500mg B/ 1 Tube x 30 Tabs	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-16477-13	Viên	6.972	10	69.720	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
146	178	Valsartan 80mg	Viên nén bao phim	Diovan Tab 80mg 2x14's	Novartis Farmaceutica S.A	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-18399-14	Viên	9.966	700	6.976.200	Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2
<b>Tổng số tiền</b>										<b>17.160.121.696</b>			

**GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Dịu